

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, thương mại và kinh doanh Bất động sản.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm:

- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình công nghiệp);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).

04. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc của Công ty bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	Đường số 2 Khu Công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 176 Hoa Lan, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

05. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Do có một số thay đổi theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC so với Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC nhưng không yêu cầu điều chỉnh hồi tố nên một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2014.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này).

04. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong là các khoản giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	180.888.638	140.656.239
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.050.562.806	4.610.098.203
Cộng	1.231.451.444	4.750.754.442

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	-	-	-	-
<i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>	68.888.049.502	(219.886.545)	30.005.690.502	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên ^(*)	68.888.049.502	(219.886.545)	30.005.690.502	-
Cộng	68.888.049.502	(219.886.545)	30.005.690.502	-

(*) Đầu tư 1.983.298 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) của Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên, tỷ lệ sở hữu 16,53%.

Trong đó, mua trong kỳ 1.119.400 cổ phần với giá 34.735 đồng/cổ phần theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 59/HDCP/DT – CD với Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	91.172.579.199	112.704.224.175
- Công ty TNHH Đức Tuấn	5.160.621.500	-
- Công ty Cổ phần DELTA Việt Nam	12.511.745.615	33.660.982.183
- Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	10.451.542.004	2.285.150.676
- Công ty Liên doanh Fuji – Alpha	1.073.945.627	12.085.623.244
- Công ty Cổ phần Alphanam Food	15.843.955.206	19.673.165.307
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	46.130.769.247	44.999.302.765
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	91.172.579.199	112.704.224.175

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Alphanam Xây dựng	Công ty trong cùng hệ thống	1.452.777.454	1.452.777.454
- Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	132.096.654	-
- Công ty Cổ phần Alphanam Food	Công ty trong cùng hệ thống	15.843.955.206	19.673.165.307
- Công ty Cổ phần Dịch vụ & Thương mại Đông Á	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	93.978.940	93.978.940
- Công ty Liên doanh Fuji – Alpha	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	1.073.945.627	12.085.623.244
- Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam	Công ty trong cùng hệ thống	118.219.549	136.861.228
- Công ty Cổ phần công trình giao thông 118 – Momota	Công ty trong cùng hệ thống	5.139.464.878	3.549.426.758
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	Công ty mẹ	376.200.000	-
Cộng		24.230.638.308	36.991.832.931

04. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	1.197.209.465	-	683.978.475	-
- Tạm ứng	174.588.470	-	233.219.394	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	-	11.586.200	-
- Phải thu khác	1.019.620.995	-	439.172.881	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	572.930.726	-	-	-
+ Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4	356.513.600	-	356.513.600	-
+ Phải thu các đối tượng khác	90.176.669	-	82.659.281	-
b) Phải thu dài hạn khác	-	-	-	-
Cộng	1.197.209.465	-	683.978.475	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c) Phải thu khác là các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	Công ty mẹ	572.930.726	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây	Công ty cùng hệ thống	58.515.111	-
+ Công ty Cổ phần Công trình giao thông 118 – Momota	Công ty cùng hệ thống	-	46.312.333
+ Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam	Công ty cùng hệ thống	164.320	164.320
Cộng		631.610.157	46.476.653

05. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Trung tâm Kinh doanh Địa ốc và Đầu tư Phát triển Công nghệ 579	5.319.868.330	-	5.319.868.330	-
- Công ty TNHH Xây dựng CAO BANG - Đài Loan	1.037.788.000	-	1.037.788.000	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA25	2.884.246.975	865.274.091	2.884.246.975	865.274.091
- Các đối tượng khác	548.859.596	151.833.641	-	-
Cộng	9.790.762.901	1.017.107.732	9.241.903.305	865.274.091

06. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	28.850.946.873	-	51.460.314.797	-
- Thành phẩm	93.813.423	-	93.813.423	-
- Hàng hoá	42.570.141.783	-	20.591.920.325	-
Cộng	71.514.902.079	-	72.146.048.545	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.078.509.040	713.603.320	9.982.929.859	308.217.200	12.083.259.419
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.078.509.040	713.603.320	9.982.929.859	308.217.200	12.083.259.419
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.078.509.040	667.782.558	6.120.061.616	308.217.200	8.174.570.414
- Khấu hao trong kỳ	-	13.333.310	531.420.354	-	544.753.664
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.078.509.040	681.115.868	6.651.481.970	308.217.200	8.719.324.078
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	-	45.820.762	3.862.868.243	-	3.908.689.005
2. Tại ngày cuối kỳ	-	32.487.452	3.331.447.889	-	3.363.935.341

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 3.894.110.875 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 5.166.913.492 đồng và 2.045.236.564 đồng đã được thể chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoàn Kiếm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	180.000.000	180.000.000
- Mua trong kỳ	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	180.000.000	180.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	180.000.000	180.000.000
- Khấu hao trong kỳ	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	180.000.000	180.000.000
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	-	-

09. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	4.785.000	11.600.002
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	4.785.000	11.600.002
b) Chi phí trả trước dài hạn	79.752.548.463	82.442.735.483
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	460.029.081	319.101.797
- Chi phí sửa chữa tại số 2 Đại Cồ Việt	6.968.962.092	8.096.922.774
- Chi phí thuê sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower ^(a)	46.415.151.544	46.896.969.718
- Chi phí thuê sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower ^(b)	22.769.696.978	23.006.060.612
- Chi phí thuê sàn tầng 1 tòa nhà Sakura Tower ^(c)	2.283.831.612	3.045.108.816
- Chi phí sửa chữa văn phòng 47 Vũ Trọng Phụng	854.877.156	1.078.571.766
Cộng	79.757.333.463	82.454.335.485

(a) Là chi phí thuê 2.081,7 m² sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 14 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 48.181.818.182 đồng.

(b) Là chi phí thuê 1.112,7 m² sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 23.636.363.636 đồng.

(c) Là chi phí thuê 889,40 m² sàn tầng 1 tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn từ ngày 01 tháng 3 năm 2014 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tổng chi phí thuê là 4.313.904.156 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	95.694.036.422	95.694.036.422	67.695.836.365	83.126.269.474	80.263.603.313	80.263.603.313
- Vay ngân hàng	92.794.036.422	92.794.036.422	67.695.836.365	80.226.269.474	80.263.603.313	80.263.603.313
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội ^(a)	27.000.000.000	27.000.000.000	-	3.860.000.000	23.140.000.000	23.140.000.000
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm ^(b)	31.015.855.274	31.015.855.274	19.682.718.300	33.500.361.756	17.198.211.818	17.198.211.818
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư phát triển Việt Nam ^(c)	34.778.181.148	34.778.181.148	48.013.118.065	42.865.907.718	39.925.391.495	39.925.391.495
- Vay đối tượng khác	2.900.000.000	2.900.000.000	-	2.900.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đồng Á	2.900.000.000	2.900.000.000	-	2.900.000.000	-	-
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	95.694.036.422	95.694.036.422	67.695.836.365	83.126.269.474	80.263.603.313	80.263.603.313

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội để phục vụ hoạt động kinh doanh với lãi suất vay là 9%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ 3 (Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam) là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 762287 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 12 năm 2014 cho Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam, số vào sổ cấp GCN: CT 01003.
- (b) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm để phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn vay theo từng khế ước vay nhưng không quá 10 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay từ 8%/năm đến 10,2%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe ô tô Bentley BKS 30Z - 6540 và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 2 phố Đại Cồ Việt, Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội và quyền đòi nợ đối với Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng kinh tế số DEP-GV2-G3A/EVNHCMC - ALPHANAM - MITSUBISHI ngày 16 tháng 01 năm 2014.
- (c) Khoản vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư phát triển Việt Nam với mục đích bổ sung vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay theo từng hợp đồng là 5 tháng với lãi suất từ 7,5%/năm đến 8%/năm. Các khoản vay được đảm bảo bằng việc cầm cố 29.706.938 Cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam (ALP) của bên thứ 3 (bà Đỗ Thị Minh Anh, bà Nguyễn Ngọc Mỹ và ông Nguyễn Minh Nhật).

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Phải trả người bán ngắn hạn	80.763.643.519	80.763.643.519	98.069.706.085	98.069.706.085	
- Công ty Cổ phần Dầu tư xây lắp Đông Dương	5.110.180.024	5.110.180.024	5.110.180.024	5.110.180.024	
- Công ty Thí nghiệm điện Miền Nam	2.520.352.307	2.520.352.307	2.520.352.307	2.520.352.307	
- Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Vương Thái Sơn	7.048.072.815	7.048.072.815	12.088.608.405	12.088.608.405	
- Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển Đức Trí	5.050.855.813	5.050.855.813	3.139.651.200	3.139.651.200	
- Công ty Cổ phần điện Trường Giang	1.408.329.270	1.408.329.270	9.264.633.735	9.264.633.735	
- Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Huệ Ván	7.866.707.170	7.866.707.170	-	-	
- Công ty TNHH Xây lắp Công Nghiệp và TM Cường Linh	1.418.612.583	1.418.612.583	838.196.205	838.196.205	
- Công ty TNHH hệ thống kỹ thuật ứng dụng (ATS Co., Ltd)	1.171.611.519	1.171.611.519	1.171.611.519	1.171.611.519	
- Công ty Cổ phần Dịch vụ & Thương mại Đông Á	29.993.374.961	29.993.374.961	30.361.450.739	30.361.450.739	
- Công ty Liên doanh Fuji – Alpha	8.012.127.101	8.012.127.101	7.297.154.197	7.297.154.197	
- Công ty Cổ phần công trình giao thông 118 – Momota	2.672.290.120	2.672.290.120	2.672.290.120	2.672.290.120	
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	8.491.129.836	8.491.129.836	23.605.577.634	23.605.577.634	
b) Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-	
Cộng	80.763.643.519	80.763.643.519	98.069.706.085	98.069.706.085	

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

Mối quan hệ	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Alphanam Xây dựng	35.951.813	35.951.813	35.951.813	35.951.813
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	194.524.147	194.524.147	194.524.147	194.524.147
Công ty Cổ phần Alphanam Nam Sài Gòn	827.414.050	827.414.050	827.414.050	827.414.050
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Thương mại Đông Á	29.993.374.961	29.993.374.961	30.361.450.739	30.361.450.739
Công ty Liên doanh Fuji – Alpha	8.012.127.101	8.012.127.101	7.297.154.197	7.297.154.197
Công ty Cổ phần công trình giao thông 118 – Momota	2.672.290.120	2.672.290.120	2.672.290.120	2.672.290.120
Cộng	41.735.682.192	41.735.682.192	41.388.785.066	41.388.785.066

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	226.346.773	324.652.277	19.891.600
- Thuế thu nhập cá nhân	27.364.393	83.795.658	25.561.296
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	1.000.000	-
Cộng	253.711.166	409.447.935	45.452.896

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Chi phí phải trả ngắn hạn	637.253.548	283.295.523
- Chi phí công trình	561.717.162	191.713.540
- Chi phí lãi vay	75.536.386	91.581.983
b) Chi phí phải trả dài hạn	-	-
Cộng	637.253.548	283.295.523

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	22.159.763.709	8.108.082.701
- Kinh phí công đoàn	553.663.377	532.685.577
- Bảo hiểm xã hội	67.973.051	36.079.420
- Bảo hiểm y tế	1.983.617	32.841.618
- Bảo hiểm thất nghiệp	7.102.700	12.722.879
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.529.040.964	7.493.753.207
+ Ông Nguyễn Tuấn Hải	20.500.000.000	5.300.000.000
+ Ông Lâm Sơn Tùng	570.315.025	570.315.025
+ Các đối tượng khác	458.725.939	1.623.438.182
b) Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	4.141.869.021	3.939.321.521
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.141.869.021	3.939.321.521
Cộng	26.301.632.730	12.047.404.222

c) Các khoản phải trả, phải nộp khác là các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	630.850	630.850
+ Ông Nguyễn Tuấn Hải	Tổng Giám đốc	20.500.000.000	5.300.000.000
+ Ông Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	570.315.025	570.315.025
+ Ông Nguyễn Duy Phương	Phó Tổng Giám đốc	45.991.350	45.991.350
+ Ông Vũ Hải Phòng	Phó Tổng Giám đốc	73.329.855	73.329.855
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á (lãi vay)	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	-	301.210.220
+ Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	Công ty trong cùng hệ thống	-	863.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	Công ty mẹ	1.154.000	838.025
Cộng		21.191.421.080	7.155.315.325

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	840.866.910	10.930.101.731	131.770.968.641
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	1.013.531.252	1.013.531.252
Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	840.866.910	11.943.632.983	132.784.499.893
Số dư đầu năm nay				
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	414.071.850	414.071.850
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	120.000.000.000	840.866.910	12.357.704.833	133.198.571.743

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Cuối kỳ	Tỷ lệ %	Đầu năm	Tỷ lệ %
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	72.001.000.000	60	72.001.000.000	60
- Các đối tượng khác	47.999.000.000	40	47.999.000.000	40
Cộng	120.000.000.000	100	120.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	120.000.000.000	120.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	169,15	225,49
- EUR	213,94	228,04

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
- Doanh thu bán hàng hóa	60.774.498.598	73.987.564.416
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.830.283.063	1.141.578.482
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	7.466.779.061	5.796.015.116
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	41.584.660.417	31.074.091.924
Cộng	111.656.221.139	111.999.249.938

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Doanh thu đối với các bên liên quan		3.785.869.827
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	Công ty mẹ	342.000.000
- Công ty Liên doanh Fuji – Alpha	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	877.784.438
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	201.777.403
- Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 118 – Momota	Công ty trong cùng hệ thống	1.445.489.200
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	Công ty trong cùng hệ thống	78.200.724
- Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam	Công ty trong cùng hệ thống	205.880.693
- Công ty Cổ phần Alphanam Food	Công ty trong cùng hệ thống	634.737.369

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
- Chiết khấu thương mại	-	326.508.500
- Hàng bán bị trả lại	257.725.431	20.175.673
Cộng	257.725.431	346.684.173

03. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	54.031.064.771	68.885.837.965
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.764.470.993	1.109.316.289
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	4.357.791.292	2.802.296.106
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	38.885.309.661	27.778.972.583
Cộng	99.038.636.717	100.576.422.943

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	198.354.017	5.197.006
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	17.165.308
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	58.515.111	-
Cộng	256.869.128	22.362.314

05. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
- Lãi tiền vay	4.997.929.996	4.422.568.766
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	688.804.748	56.929
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	219.886.545	-
- Chi phí tài chính khác	-	2.765.166
Cộng	5.906.621.289	4.425.390.861

06. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	2.379.807.695	2.418.522.364
- Chi phí nhân viên quản lý	635.504.415	696.988.006
- Chi phí khấu hao TSCĐ	197.659.086	184.694.256
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	992.678.576	869.005.226
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	397.025.955	-
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	156.939.663	667.834.876
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	3.848.415.178	3.616.901.168
- Chi phí nhân viên	2.638.058.044	2.502.060.913
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	112.903.476
- Chi phí khác	1.210.357.134	1.001.936.779
Cộng	6.228.222.873	6.035.423.532

07. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
- Thu thanh lý tài sản cố định	-	-
- Thu nhập khác	430.636.940	20.646.474
Cộng	430.636.940	20.646.474

08. Chi phí khác

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
- Chi phạt vi phạm hợp đồng	374.597.790	188.245.739
- Các khoản bị phạt hành chính	4.990.610	-
- Chi phí khác	663.543	-
Cộng	380.251.943	188.245.739

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	118.197.104	103.420.125
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	118.197.104	103.420.125

Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Lợi nhuận kế toán trước thuế	532.268.954
Các khoản điều chỉnh tăng	4.990.610
- Chi phí phạt hành vi phạm hành chính	4.990.610
Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập tính thuế TNDN	537.259.564
Thuế suất thuế TNDN	22%
Thuế TNDN	118.197.104
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	118.197.104

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	414.071.850	366.671.353
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	31

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu Cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
Lợi nhuận thuần sau thuế	414.071.850	366.671.353
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	35	31

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	397.217.735	27.612.027.533
- Chi phí nhân công	3.744.174.859	3.488.146.919
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	544.753.664	644.692.338
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.441.307.033	5.632.645.871
- Chi phí khác bằng tiền	4.101.947.649	3.078.672.958
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	397.025.955	-
Cộng	28.626.426.895	40.456.185.619

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
Hội đồng quản trị		
+ Vay tiền trong năm (không tính lãi)	18.600.000.000	2.501.961.748
+ Trả tiền vay trong năm	3.400.000.000	5.780.000.000

Ban điều hành

+ Tạm ứng	22.250.000	20.000.000
-----------	------------	------------

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ban điều hành		
+ Tạm ứng	116.358.400	14.590.000
+ Phải thu khác	675.000	-
Cộng nợ phải thu	117.033.400	14.590.000

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị		
+ Phải trả phải nộp khác (vay không tính lãi)	21.190.267.080	5.990.267.080
Cộng nợ phải trả	21.190.267.080	5.990.267.080

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
Tiền lương, phụ cấp và thưởng	324.000.000	223.941.000
Cộng	324.000.000	223.941.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
 Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á
 Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung
 Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn
 Công ty Liên doanh Fuji-Alpha

Công ty Cổ phần Alphanam Xây dựng
 Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam

Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất
 nhập khẩu Foodinco

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông
 118 – Momota

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây

Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long

Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam

Công ty Cổ phần Alphanam Food

Mối quan hệ

Công ty mẹ

Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Công ty trong cùng hệ thống

Công ty trong cùng hệ thống

Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Công ty trong cùng hệ thống

Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Công ty trong cùng hệ thống

Công ty trong cùng hệ thống

Công ty trong cùng hệ thống

Công ty trong cùng hệ thống

Công ty trong cùng hệ thống

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ kế toán giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam		
Mua hàng	63.765.425.929	42.874.264.527
Cho thuê xe	342.000.000	342.000.000
Cung cấp dịch vụ	9.298.100	-
Bán hàng	-	11.101.663.700
Mua 1.119.400 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	38.882.359.000	-
Chi tiền cho vay	17.500.000.000	380.000.000
Lãi tiền vay phải thu	193.768.751	-
Thuê xe	-	26.915.000
Nhập mua hàng thừa	41.454.544	-
Nhập hàng bảo hành	83.827.272	-
Chiết khấu thương mại	2.903.097.820	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á		
Chi phí thuê Văn phòng và dịch vụ điện nước	2.222.918.089	1.653.122.098
Bán hàng	-	7.334.162.127
Mua hàng	-	23.000.000
Lãi vay phải trả	1.454.665.864	1.783.622.832
Công ty Cổ phần Foodionco Miền Trung		
Bán hàng	-	870.645.454
Công ty Liên doanh Fuji-Alpha		
Mua thang máy, lắp đặt	1.470.454.546	-
Mua dịch vụ bảo trì thang máy	77.067.272	-
Mua hàng	44.215.000	3.970.252.969
Cung cấp dịch vụ	877.784.438	930.080.237
Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long		
Mua hàng	-	643.975.253
Bán hàng	-	15.389.280.000
Cung cấp dịch vụ	78.200.724	78.200.724
Công ty Cổ phần Alphanam Xây dựng		
Cho vay tiền	-	1.912.508.489
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây		
Lãi cho vay	58.515.111	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam		
Cung cấp dịch vụ	201.777.403	-
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 118 – Momota		
Bán hàng hóa	1.445.489.200	-
Công ty Cổ phần Alphanam Food		
Mua hàng	-	7.221.200
Bán hàng hóa	55.187.300	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	579.550.069	-
Thực hiện nâng cấp cải tạo tòa nhà tại 33 Bà Triệu và tầng 1 Tòa nhà Sakura	-	18.187.696.634
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn		
Tiền điện nước và thuê văn phòng	677.542.648	443.674.164
Mua 112.053 Cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	-	3.892.048.902
Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam		
Cho thuê văn phòng và điện nước	205.880.693	190.519.227
Mua hàng	-	180.700.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam		
Phải thu khách hàng	376.200.000	-
Trả trước cho người bán	386.714.237	1.775.823.540
Phải thu khác	572.930.726	-
Công ty Liên doanh Fuji-Alpha		
Phải thu khách hàng	1.073.945.627	12.085.623.244
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 118 – Momota		
Phải thu khác	-	46.312.333
Phải thu khách hàng	5.139.464.878	3.549.426.758
Công ty Cổ phần Alphanam Xây dựng		
Phải thu khách hàng	1.452.777.454	1.452.777.454
Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long		
Phải thu khách hàng	-	1.731.255.405
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây		
Trả trước cho người bán	-	26.086.000.000
Phải thu khác	58.515.111	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam		
Phải thu khách hàng	132.096.654	-
Phải thu khác	164.320	164.320
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á		
Phải thu khách hàng	93.978.940	93.978.940
Công ty Cổ phần Alphanam Food		
Phải thu khách hàng	15.843.955.206	19.673.165.307
Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam		
Phải thu khách hàng	118.219.549	136.861.228
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn		
Trả trước cho người bán	4.392.584.307	34.580.668
Cộng nợ phải thu	29.641.547.009	66.665.969.197

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á		
Phải trả người bán	29.993.374.961	30.361.450.739
Vay ngắn hạn	-	2.900.000.000
Phải trả, phải nộp khác	-	301.210.220
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam		
Phải trả, phải nộp khác	1.154.000	838.025
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung		
Phải trả người bán	194.524.147	194.524.147
Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn		
Phải trả người bán	827.414.050	827.414.050
Công ty Liên doanh Fuji-Alpha		
Phải trả người bán	8.012.127.101	7.297.154.197
Công ty Cổ phần Alphanam Xây dựng		
Phải trả người bán	35.951.813	35.951.813
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 118 – Momota		
Phải trả người bán	2.672.290.120	2.672.290.120
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn		
Phải trả, phải nộp khác	-	863.000.000
Cộng nợ phải trả	41.736.836.192	45.453.833.311

03. Thuê hoạt động**Các hợp đồng thuê**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	8.602.309.849	6.022.309.849
Trên 1 năm đến 5 năm	28.519.904.925	26.337.309.849
Trên 5 năm	5.350.000.000	-
Cộng	42.472.214.774	32.359.619.698

- Công ty thuê toàn bộ toà nhà địa chỉ số 2 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2012 đến ngày 01 tháng 4 năm 2015 và đã gia hạn thêm đến ngày 31 tháng 7 năm 2018 theo Phụ lục số 02 ngày 05 tháng 01 năm 2015. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

- Công ty thuê toàn bộ sàn tầng 02, tầng lửng (tầng 3B) và sàn tầng 3 thuộc dự án nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ công cộng Sakura Tower – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội dưới hình thức thuê hoạt động. Thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2013 và có khả năng được gia hạn thêm. Tổng chi phí thuê là 71.818.181.818 đồng và không có điều chỉnh trong thời gian thực hiện hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Các hợp đồng cho thuê***

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thu tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
Từ 1 năm trở xuống	13.504.049.460	12.879.466.416
Trên 1 năm đến 5 năm	43.591.525.680	40.073.859.504
Trên 5 năm	22.800.288.055	18.361.812.178
Cộng	79.895.863.195	71.315.138.098

- Công ty cho thuê toàn bộ tòa nhà tại địa chỉ số 02 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành. Hợp đồng cho thuê có hiệu lực trong khoảng từ 01 tháng 8 năm 2012 đến 01 tháng 8 năm 2018 và có khả năng được gia hạn thêm.
- Công ty đã cho thuê toàn bộ tầng 2 và tầng lửng (tầng 3B) tòa nhà Sakura – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013.
- Công ty đã cho thuê toàn bộ tầng 1 tòa nhà Sakura – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội trong thời hạn kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến 31 tháng 12 năm 2018.

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh sau:

- Miền Bắc
- Miền Trung
- Miền Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Trung	Khu vực miền Nam	Cộng
Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	71.165.635.980	5.739.214.618	34.493.645.110	111.398.495.708
- Chi phí trực tiếp	61.588.617.584	5.135.297.246	32.314.721.887	99.038.636.717
- Chi phí phân bổ	7.588.106.483	611.949.448	3.677.919.103	11.877.975.034
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.988.911.913	(8.032.076)	(1.498.995.880)	481.883.957
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	312.222.831	-	-	312.222.831
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.270.417.925	183.099.828	1.100.460.764	3.553.978.517
Tại ngày 30/6/2015				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	119.222.031.609	15.941.749.764	27.429.886.482	162.593.667.855
- Tài sản phân bổ cho bộ phận	71.461.112.033	5.763.043.541	34.636.860.946	111.861.016.520
- Tài sản không phân bổ				69.899.614.401
Tổng tài sản	190.683.143.642	21.704.793.305	62.066.747.428	344.354.298.776
- Nợ phải trả bộ phận	14.047.705.834	349.136.446	2.900.795.888	17.297.638.168
- Nợ phải phân bổ cho bộ phận	123.843.989.959	9.987.506.298	60.026.592.608	193.858.088.865
- Nợ phải trả không phân bổ				-
Tổng nợ phải trả	137.891.695.793	10.336.642.744	62.927.388.496	211.155.727.033

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Trung	Khu vực miền Nam	Cộng
Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	81.529.212.764	4.625.074.234	25.498.278.767	111.652.565.765
- Chi phí trực tiếp	73.769.859.533	4.134.199.862	22.672.363.548	100.576.422.943
- Chi phí phân bổ	7.622.205.317	432.400.415	2.383.846.347	10.438.452.079
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	137.147.914	58.473.957	442.068.872	637.690.743
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	28.936.657.973	-	-	28.936.657.973
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.914.479.248	108.606.576	598.753.795	2.621.839.619
Số cuối kỳ				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	172.387.648.336	6.464.668.192	41.936.072.247	220.788.388.775
- Tài sản phân bổ cho bộ phận	88.058.814.364	4.995.492.285	27.540.413.067	120.594.719.716
- Tài sản không phân bổ	-	-	-	1.264.967.936
Tổng tài sản	260.446.462.700	11.460.160.477	69.476.485.314	342.648.076.427
- Nợ phải trả bộ phận	99.293.642.062	1.644.762.393	37.851.970.565	138.790.375.020
- Nợ phải phân bổ cho bộ phận	51.446.630.600	2.918.518.130	16.089.944.747	70.455.093.477
- Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	150.740.272.662	4.563.280.523	53.941.915.312	209.245.468.497

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Lĩnh vực xây lắp
- Lĩnh vực 2: Lĩnh vực thương mại
- Lĩnh vực 3: Lĩnh vực khác

	Hoạt động xây lắp điện	Kinh doanh thương mại	Lĩnh vực khác (dịch vụ, cho thuê, kinh doanh bất động sản)	Cộng
Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	41.584.660.417	60.516.773.167	9.297.062.124	111.398.495.708
Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	102.784.818.714	145.268.223.161	95.069.805.457	343.122.847.332
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	-	164.880.157	147.342.674	312.222.831
Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	31.074.091.924	73.640.880.243	6.937.593.598	111.652.565.765
Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	103.333.152.674	145.455.887.440	92.279.987.805	341.069.027.919
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	8.053.378.475	19.085.284.336	1.797.995.162	28.936.657.973

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAME&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.231.451.444	-	4.750.754.442	-	1.231.451.444	4.750.754.442
Phải thu khách hàng và phải thu khác	91.619.269.468	(8.773.655.169)	113.143.397.056	(8.376.629.214)	82.845.614.299	104.766.767.842
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	68.888.049.502	(219.886.545)	30.005.690.502	-	68.668.162.957	30.005.690.502
Cộng	161.738.770.414	(8.993.541.714)	147.899.842.000	(8.376.629.214)	152.745.228.700	139.523.212.786

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số cuối kỳ	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	80.763.643.519	98.069.706.085	80.763.643.519	98.069.706.085
Vay và nợ	80.263.603.313	95.694.036.422	80.263.603.313	95.694.036.422
Chi phí phải trả	637.253.548	283.295.523	637.253.548	283.295.523
Các khoản phải trả khác	25.670.909.985	11.433.074.728	25.670.909.985	11.433.074.728
Cộng	187.335.410.365	205.480.112.758	187.335.410.365	205.480.112.758

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**06. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	80.763.643.519	-	-	80.763.643.519
Vay và nợ	80.263.603.313	-	-	80.263.603.313
Chi phí phải trả	637.253.548	-	-	637.253.548
Các khoản phải trả khác	21.529.040.964	4.141.869.021	-	25.670.909.985
Cộng	183.193.541.344	4.141.869.021	-	187.335.410.365
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	98.069.706.085	-	-	98.069.706.085
Vay và nợ	95.694.036.422	-	-	95.694.036.422
Chi phí phải trả	283.295.523	-	-	283.295.523
Các khoản phải trả khác	7.493.753.207	3.939.321.521	-	11.433.074.728
Cộng	201.540.791.237	3.939.321.521	-	205.480.112.758

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, một số nội dung được trình bày lại cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

STT	Nội dung	Số dư tại 01/01/2015 (VND)	Chỉ tiêu đã trình bày trên BCTC năm 2014		Chỉ tiêu trình bày trên BCTC 6 tháng đầu năm 2015	
			Tên chỉ tiêu	Mã số	Tên chỉ tiêu	Mã số
1	Tạm ứng	233.219.394	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136
2	Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.586.200	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136
3	Quỹ dự phòng tài chính	840.866.910	Quỹ dự phòng tài chính	418	Quỹ đầu tư phát triển	418

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Thùy Dương

Kế toán trưởng



Lê Văn Đạt

Phó Tổng Giám đốc



Trương Thị Thu Hiền